

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THÍCH ỨNG CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

Lã Phương Thúy^{1,+},
Trần Đình Minh²

¹Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội;
²Ban Tuyên giáo Trung ương
+Tác giả liên hệ • Email: laphuongthuy@vnu.edu.vn

Article history

Received: 04/6/2024

Accepted: 24/7/2024

Published: 15/8/2024

Keywords

Adaptive competence,
pedagogical students,
training, digital
transformation, teachers

ABSTRACT

The development of technology has had a substantial impact on different fields, including education. In this context, digital transformation is an essential step to help improve education quality today. Digital transformation applications help improve education quality and speed up progress in learning, providing new and different learning experiences and helping learners and teachers maximize their competences in learning, teaching, and the learning process. However, besides the primary benefits, digital transformation in education today also faces many difficulties and challenges, especially in teacher adaptation.. Accordingly, the article proposes some measures to develop adaptive competence - a necessary competence for students in general and pedagogical students in particular. The research results will be a valuable reference source to equip pedagogical students - future teachers with the necessary knowledge and skills to develop adaptive competence. At the same time, improve training quality in pedagogical schools as well as meet the requirements of training high-quality human resources in the context of digital transformation.

1. Mở đầu

Thích ứng là quá trình con người thay đổi nhận thức, thái độ và kỹ năng của bản thân để đáp ứng những yêu cầu mới của hoạt động (Hoàng Hòa Bình, 2015; Nguyễn Quốc Thái, 2020); có ý nghĩa đối với hiệu quả công việc, làm tăng năng suất lao động, khi đó con người sẽ thích ứng tốt và có khả năng làm việc hiệu quả trong môi trường mới. Đây là một quá trình quan trọng trong cuộc sống và công việc của mỗi con người, là cách mà con người ta thích nghi với môi trường, với tình huống và với yêu cầu cụ thể trong bối cảnh mới. Năng lực thích ứng cuộc sống là khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất, năng lực chung để ứng xử và giải quyết một cách phù hợp và có hiệu quả những tình huống của cuộc sống. Trong quá trình học tập, làm việc, sự thích ứng là điều kiện cho việc hình thành hệ thống tri thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của mỗi cá nhân (Didham & Ofei-Manu, 2020; Maussumbayev et al., 2022). Vì vậy, để mỗi cá nhân có khả năng, năng lực làm việc tốt trong mọi hoàn cảnh thì việc phát triển năng lực thích ứng là vô cùng cần thiết. Năng lực thích ứng cuộc sống là một khả năng quan trọng giúp con người vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất và năng lực tổng hợp để đối phó và giải quyết hiệu quả các tình huống trong cuộc sống mới.

Trong bối cảnh xã hội có nhiều biến động và tốc độ phát triển công nghệ nhanh như hiện nay, việc nghiên cứu về năng lực thích ứng trong học tập của sinh viên (SV) nói chung, SV sư phạm nói riêng sẽ giúp cho các cơ quan quản lý, các nhà trường, giảng viên có cái nhìn toàn diện về vấn đề này, từ đó đề xuất những giải pháp phát triển năng lực thích ứng cho SV sư phạm, giúp nâng cao chất lượng hiệu quả học tập cũng như phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, khả năng sáng tạo, thích nghi trong công việc (Nguyễn Thị Kim Dung và Đỗ Thị Thuận, 2017; Phạm Thị Thu Thảo, 2022).

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số (Bilyalova et al., 2020; Oliveira & De Souza, 2022). Chuyển đổi số không phải đơn thuần thay đổi cách thực hiện công việc từ thủ công truyền thống (ghi chép trong sổ sách, họp trực tiếp,...) sang vận dụng công nghệ để giảm thiểu sức người. Trên thực tế, chuyển đổi số đóng vai trò thay đổi tư duy kinh doanh, phương thức điều hành, văn hóa tổ chức,...

Với sự phát triển không ngừng của KH-CN, chuyển đổi số chính là xu hướng của xã hội nói chung và lĩnh vực giáo dục nói riêng. Việc áp dụng công nghệ vào giáo dục có vai trò vô cùng to lớn, tạo nên nhiều bước ngoặt phát triển, mở ra nhiều phương thức giáo dục mới thông minh, hiệu quả hơn và đồng thời tiết kiệm chi phí cho người học. Đến nay, xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục đã và đang tác động sâu sắc đến con người (Sych et al., 2021). Về bản chất, chuyển đổi số trong giáo dục là quá trình tích hợp công nghệ số và hệ thống thông tin vào lĩnh vực giáo dục để thay đổi phương pháp giảng dạy, và quản lý giáo dục. Điều này bao gồm cải tiến phương pháp dạy học, sử dụng các thiết bị dạy học, kỹ thuật dạy học, dụng cụ hỗ trợ học tập, nâng cao trải nghiệm của người học.

“Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ xác định như sau: Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Hiện tại, chuyển đổi số trong giáo dục được ứng dụng dưới 3 hình thức chính là: ứng dụng công nghệ trong phương pháp giảng dạy: lớp học thông minh, lập trình... vào việc giảng dạy; ứng dụng công nghệ trong quản lý: công cụ vận hành, quản lý; ứng dụng công nghệ trong lớp học: công cụ giảng dạy, cơ sở vật chất.

Tuy nhiên, chuyển đổi số cũng đặt ra những yêu cầu và thách thức như: - *Yêu cầu*: + Có tư duy thích ứng với các thay đổi nhanh và chấp nhận thay đổi, từ thói quen đến các quy trình nghiệp vụ; + Có kiến thức cơ bản về sử dụng công nghệ ở CBQL, giảng viên và người học; + Cải thiện hạ tầng công nghệ, thiết bị, phần mềm giảng dạy và học tập; - *Thách thức*: + Khả năng và mức độ sẵn sàng cho quá trình chuyển đổi số, hiểu được ý nghĩa và giá trị cốt lõi của chuyển đổi số của lãnh đạo, giảng viên và người học và các bên có liên quan; + Chi phí đầu tư cho chuyển đổi số cao so với hiệu quả ban đầu; + Hạn chế về đường truyền, băng thông và các phần mềm, thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập. Bởi vậy, việc nghiên cứu để tìm ra giải pháp cho giáo dục nói chung, phát triển năng lực của SV trong bối cảnh chuyển đổi số là vô cùng quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong giáo dục đại học hiện nay.

2.2. Năng lực thích ứng

Thuật ngữ “thích ứng” (tiếng Anh: adaptation) đã được biết tới từ khá lâu và được một số nhà khoa học nghiên cứu, sử dụng. Các nhà tâm lý học Liên Xô trước đây như Vugótxki, Leonchiev và Andreeva cho rằng: thích ứng của con người là khả năng tâm lý giúp con người chủ động, tích cực vượt qua mọi khó khăn, trở ngại do sự biến động của hoàn cảnh để làm chủ cuộc sống và hoạt động của mình, không thể đồng nhất thích ứng với thích nghi (Nguyễn Thị Kim Dung và Đỗ Thị Thuận, 2017). Khái niệm “thích ứng” thường bao gồm sự điều tiết (làm cho phù hợp - accommodation) và sự thích nghi (adaptation), rất giống với khái niệm thích nghi hay sử dụng trong sinh học trong ngữ cảnh tiến hóa. Các nhà sinh học sử dụng khái niệm “thích nghi” theo đúng nghĩa của các yêu cầu vật lý của môi trường. Còn các nhà tâm lý học sử dụng khái niệm “thích ứng” với các điều kiện đa dạng của các mối quan hệ xã hội hoặc liên nhân cách trong xã hội. Khái niệm “thích ứng” được hiểu theo nhiều cách khác nhau, nhưng cơ bản được chia thành hai nhóm chính: (1) Đồng nhất khái niệm thích ứng với thích nghi; (2) Phân biệt hai khái niệm này. Các nghiên cứu chỉ ra rằng hai khái niệm này có điểm giao thoa nhưng không hoàn toàn đồng nhất (Nguyễn Quốc Thái, 2020).

”Thích ứng” là quá trình con người tích cực, chủ động thay đổi, điều chỉnh về mặt tâm lý để khắc phục những khó khăn của môi trường sống mới và hoạt động một cách có hiệu quả. Về những biểu hiện của năng lực thích ứng, các nhà nghiên cứu cũng đưa ra những ý kiến khá đa dạng (Nguyễn Thị Tuyết Hạnh, 2023; Phạm Thị Thu Thảo, 2022) nhưng tựu chung lại, có thể thấy người có khả năng thích ứng với sự thay đổi, thể hiện ở những điểm sau: (1) Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc đồng đội với tư cách là thành viên của một nhóm; (2) Có khả năng đảm nhận nhiều nhiệm vụ công việc hoặc tham gia nhiều dự án cùng một lúc; (3) Có khả năng nhận diện sự thay đổi của bối cảnh tác động đến mình và tổ chức; (4) Có tư duy đổi mới, biết đề xuất những giải pháp, cách thức khác nhau để hoàn tất công việc, biết cách vượt qua được thách thức của bối cảnh và của sự thay đổi một cách có hiệu quả nhất; (5) Chấp nhận những thay đổi và biết tận dụng những thay đổi đó để đem lại cơ hội phát triển; (6) Biết đón nhận những thông tin phản hồi và học hỏi từ những thiếu sót, lỗi lầm của mình; (7) Có khả năng xử lý các mối quan hệ (trong cuộc sống, trong hoạt động nghề nghiệp...) một cách khoa học; (8) Có khả năng hoá giải các xung đột trong quá trình thực hiện sự thay đổi;

Thực hiện đổi mới giáo dục theo hướng chuyển từ tập trung vào nội dung sang phát triển phẩm chất và năng lực HS đòi hỏi GV phải có năng lực thích ứng; GV phải thấu hiểu HS để tạo môi trường giúp các em được hoạt động phát triển năng lực cá nhân theo yêu cầu của cấp học; Sự phát triển của KH-CN đòi hỏi GV phải học hỏi để có khả năng làm chủ công nghệ, ứng dụng công nghệ trong dạy học một cách hiệu quả, đón nhận cái mới và tiếp tục sáng tạo cái mới.

2.3. Đề xuất một số biện pháp phát triển năng lực thích ứng cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh chuyển đổi số

2.3.1. Xây dựng khung năng lực số dành cho sinh viên sư phạm

“Năng lực số” là một khái niệm rộng được đưa vào các tài liệu chính sách, các nghiên cứu và ngày càng được chú trọng trong giáo dục đại học. Có nhiều khái niệm khác nhau về năng lực số. “Năng lực số” được định nghĩa là tập hợp kiến thức, kĩ năng và thái độ cần thiết khi sử dụng công nghệ số để tối ưu hóa hiệu quả cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Năng lực số không chỉ liên quan đến các kĩ năng số mà còn cả các khía cạnh xã hội và cảm xúc khi sử dụng các thiết bị kĩ thuật số và các công nghệ liên quan. Vì vậy, khung năng lực số được xây dựng sẽ làm cơ sở nền tảng để phát triển các khóa đào tạo nhằm nâng cao năng lực số cho SV trong thế kỉ XXI. Mục tiêu chính là giúp SV có được năng lực số cần thiết để sống, học tập, làm việc và tham gia giao tiếp xã hội một cách chủ động, tích cực và an toàn trong môi trường số. Hiện nay, một số trường đã quan tâm và bắt đầu xây dựng khung năng lực số đặc trưng cho SV của trường mình. Ví dụ, Đại học Quốc gia Hà Nội đã đưa ra khung năng lực số cho SV, bao gồm: năng lực khai thác thông tin và dữ liệu, năng lực vận hành thiết bị và phần mềm, năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số, năng lực an toàn và an sinh số, năng lực sáng tạo nội dung số, năng lực học tập và phát triển kĩ năng số, sử dụng năng lực số cho nghề nghiệp.

Vì vậy, việc các trường sư phạm cần nghiên cứu, đề xuất khung năng lực số dành cho SV sư phạm là việc làm vô cùng cần thiết. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường mà còn chuẩn bị cho SV thích ứng với môi trường làm việc số hóa sau khi tốt nghiệp.

2.3.2. Bổ sung các học phần, nội dung về công nghệ nhằm nâng cao kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin trong học tập và giảng dạy cho sinh viên sư phạm

Hiện nay, với sự phát triển không ngừng của công nghệ, việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập đang ngày càng trở nên phổ biến, đòi hỏi cả người dạy và người học cần có kiến thức, kĩ năng để sử dụng công nghệ một cách hiệu quả nhất. SV nói chung và SV các ngành sư phạm nói riêng là đối tượng người học ở trình độ cao, nguồn nhân lực tương lai của đất nước. Hơn nữa, SV sư phạm sau này sẽ trở thành thế hệ GV tương lai, thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục hiện nay. Do vậy, ngay từ khi còn trên giảng đường đại học, để có kiến thức, kĩ năng tốt, đáp ứng những yêu cầu đặt ra, SV cần được trang bị các kiến thức, kĩ năng về công nghệ thông qua các học phần phù hợp trong chương trình đào tạo. Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực, ngành nghề, các trường sư phạm hiện nay đã có những bước cải tiến, chỉnh sửa chương trình đào tạo cho SV sư phạm như xây dựng các học phần về sử dụng công nghệ trong giảng dạy (Học phần “Nhập môn Công nghệ giáo dục”, Học phần “Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục” tại Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội), để SV sau khi ra trường có thể áp dụng ngay và không ngừng học hỏi, cập nhật những ứng dụng tiên tiến, hiện đại nhất trong giáo dục. Điều này đòi hỏi các nhà quản lí, giảng viên trong quá trình giảng dạy không chỉ trang bị, hình thành kiến thức, kĩ năng cho SV mà còn hình thành ý thức không ngừng học hỏi, cập nhật những công nghệ mới, linh hoạt trong tiếp cận công nghệ để SV luôn chủ động học hỏi, nâng cao, thích nghi được trong các bối cảnh mới.

2.3.3. Tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm, các khóa học kĩ năng

Với mục tiêu phát triển năng lực thích ứng để SV có thể chủ động đón nhận cái mới, chủ động thay đổi để thích nghi với cái mới thì việc tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm trong các chương trình đào tạo là vô cùng cần thiết. Hiện nay, tại các trường sư phạm trên toàn quốc, SV đều có các học phần kiến tập, thực tập tại các trường phổ thông. Chẳng hạn, tại Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, chương trình đào tạo của SV sư phạm luôn có số giờ tín chỉ ưu tiên cho các hoạt động thực hành, rèn nghề, tham gia các hoạt động trải nghiệm tại các môi trường, địa phương khác nhau. Đặc biệt tại Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội là hoạt động thực tập rèn nghề của SV sư phạm được thực hiện rất sớm, từ những học kì đầu của năm thứ hai đến hết học kì 8 trong chương trình đào tạo. SV sẽ được học tập, thực hành ở các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn TP. Hà Nội, bao gồm cả các trường công lập và các trường phổ thông dân lập, quốc tế nhằm đảm bảo môi trường thực hành đa dạng, thời gian thực hành, kiến tập, thực tập đa dạng trong các giai đoạn khác nhau của năm học. Điều này giúp cho SV những trải nghiệm, kinh nghiệm đáng quý, khả năng thích ứng tốt trong các môi trường làm việc đa dạng ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Bên cạnh đó, với mục tiêu trang bị cho HS các kiến thức liên quan đến lịch sử, văn hoá của nhiều địa phương; có sự liên hệ giữa lí thuyết và thực tiễn, nắm chắc, nâng cao và hiểu sâu sắc hơn về những kiến thức đã được học trên giảng đường đại học; tạo cơ hội cho SV giao lưu, học hỏi lẫn nhau, nhà trường đã tổ chức các đợt tham quan, học tập trải nghiệm cho các đoàn SV các ngành như Sư phạm Tiểu học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử - Địa lí... đi học tập, trải nghiệm tại các địa phương như Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng. Đây là những hoạt động rất thiết thực, bổ ích bởi qua những hoạt động này, SV không chỉ được bổ sung, nâng cao

kiến thức về văn hóa, lịch sử dân tộc mà còn là cơ hội cho SV có những trải nghiệm thực tế, làm việc nhóm, ứng xử trong tập thể, linh hoạt trong mọi hoàn cảnh. Từ đó, giúp SV có tư duy đổi mới, khả năng độc lập, nhạy bén trong việc xử lý các tình huống thực tế khác nhau.

2.3.4. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, mô hình câu lạc bộ các cấp

Bước chân vào ngưỡng cửa đại học với môi trường mới, phương pháp học tập mới... SV hầu hết đều cảm thấy ngỡ ngàng, lạ lẫm, chưa thích nghi được với môi trường học tập mới, dẫn đến có những SV thành tích học tập sa sút, thậm chí vướng vào các tệ nạn xã hội, Thực trạng này không phải là hiếm gặp, do đó rất cần có những mô hình hỗ trợ SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất.

Ở các trường đại học hiện nay, bộ phận công tác SV, các tổ chức như Đoàn Thanh niên, Hội SV đã tổ chức khá nhiều hoạt động, mô hình câu lạc bộ hỗ trợ SV rất đa dạng như câu lạc bộ thanh niên tình nguyện, câu lạc bộ khoa học, câu lạc bộ nghệ thuật... Ngoài ra các hoạt động như tọa đàm, seminar, hội nghị... tập huấn, hướng dẫn cho SV từ cách đăng kí học phần, nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực ngoại ngữ... cũng là những hình thức hỗ trợ, tổ chức, quản lí SV rất hiệu quả mà các nhà trường nên thực hiện. Điều này không chỉ giúp SV có cơ hội giao lưu, học hỏi lẫn nhau mà còn là môi trường để SV tăng cường trải nghiệm, khẳng định bản thân cũng như vận dụng những kiến thức, kĩ năng, thái độ, phẩm chất, năng lực chung để ứng xử và giải quyết một cách phù hợp và có hiệu quả những tình huống của cuộc sống, trong những môi trường trải khác nhau, giúp SV từng bước phát triển năng lực thích ứng, đáp ứng yêu cầu của bối cảnh thực tiễn hiện nay và của người GV trong tương lai.

3. Kết luận

Đào tạo GV trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay là vấn đề nhiều nhà quản lí, nhà giáo dục, người nghiên cứu quan tâm bởi nó quyết định tới chất lượng nguồn nhân lực trong tương lai. Vì vậy, đào tạo GV theo định hướng nghiên cứu và định hướng thực hành đang là mục tiêu của nhiều quốc gia. Việc tăng cường các hoạt động đổi mới trong đào tạo, bồi dưỡng GV là rất cần thiết để trang bị cho SV sự phạm cũng là những GV tương lai những kiến thức, kĩ năng cần thiết nhằm phát triển năng lực thích ứng, giúp SV có tư duy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng những yêu cầu đặt ra hiện nay cũng như trong tương lai.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả cảm ơn sự tài trợ của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trong khuôn khổ Hội thảo khoa học quốc gia về “Đổi mới sáng tạo trên hệ sinh thái giáo dục số lần thứ 3”.

Tài liệu tham khảo

- Bilyalova, A., Salimova, D., & Zelenina, T. (2020). *Digital transformation in education*. Integrated Science in Digital Age: ICIS 2019.
- Didham, R. J., & Ofei-Manu, P. (2020). Adaptive capacity as an educational goal to advance policy for integrating DRR into quality education for sustainable development. *International Journal of Disaster Risk Reduction*, 47, 101631. <https://doi.org/10.1016/j.ijdr.2020.101631>
- Hoàng Hòa Bình (2015). Năng lực và đánh giá theo năng lực. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 6(71), 21-32.
- Maussumbayev, R., Toleubekova, R., Kaziyev, K., Baibaktina, A., & Bekbauova, A. (2022). Development of research capacity of a future social pedagogue in the face of digital technologies. *Education and Information Technologies*, 27(5), 6947-6966. <https://doi.org/10.1007/s10639-022-10901-3>
- Nguyễn Quốc Thái (2020). Cơ sở lí luận về thích ứng với hoạt động học tập của lưu học sinh. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Tây Bắc*, 17, 103-111.
- Nguyễn Thị Kim Dung, Đỗ Thị Thuận (2017). Tiêu chí đánh giá thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm sau tốt nghiệp. *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế*, 62, 200-206.
- Nguyễn Thị Tuyết Hạnh (2017). Phát triển năng lực thích ứng cho đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong bối cảnh mới. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đông Tháp*, 29, 30-36.
- Oliveira, K. K., & De Souza, R. A. C. (2022). *Digital Transformation towards Education 4.0*. Informatics in Education. <https://doi.org/10.15388/infedu.2022.13>
- Phạm Thị Thu Thảo (2022). Thực trạng đánh giá mức độ phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống cho học sinh trong tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề ở tiểu học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18, 62-66.
- Sych, T., Khrykov, Y., & Ptakhina, O. (2021). Digital transformation as the main condition for the development of modern higher education. *Educational Technology Quarterly*, 2, 293-309. <https://doi.org/10.55056/etq.27>